

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/HS-ST

Ngày : 29/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Quang

Bà Bùi Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 166/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

ĐỖ VĂN T; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1992 tại Hưng Yên; nơi đăng ký thường trú: thôn An X, xã A, huyện B, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn T và bà Vũ Thị H; có vợ: Vũ Thị Bích N và con: không có; nhân thân: Ngày 27/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 21/2015/HSST); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: 31/5/2021.

(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số 229/72 đường Lê Quang Đ, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

2. Anh Trần Minh T1, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số 614 đường Thống N, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 31/5/2021, tại trước số 680 đường Trường C, Phường I, quận K, Tổ Cảnh sát cơ động Bộ Công an phát hiện Đỗ Văn T đang điều khiển xe gắn máy biển số 59S1-323.28 chở Trần Minh T1 ngồi phía sau có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trong người để sử dụng, cụ thể: Thu giữ trong túi quần phía trước bên trái T đang mặc có 01 bóp màu đen, bên trong có 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu (Kết luận giám định số 3626/KLGD-MT ngày 09/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,5926 gam).

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn T khai nhận số ma túy bị thu giữ là của T mua của 01 thanh niên tên T3 (không rõ lai lịch) tại khu vực cầu vượt S, Quận H với giá 800.000 đồng đem về cất giấu trong bóp để sử dụng. Khoảng 21 giờ ngày 31/5/2021, trên đường đi mua ma túy về thì bạn là Trần Minh T1 gọi điện nhờ T qua nhà T1 ở quận P lấy xe của T1 chở T1 đi tìm vợ của T1, T đồng ý và khi đang chở T1 đi trên đường thì bị công an kiểm tra bắt giữ như nêu trên. T1 không biết việc T có cất giấu ma túy trong người để sử dụng.

Đối với Trần Minh T1, quá trình điều tra xác định T1 không biết việc T cất giấu ma túy trong người để sử dụng, do đó không có cơ sở để điều tra xử lý T1.

Đối với đối tượng tên T3 là người T khai bán bán ma túy cho T, quá trình điều tra không xác định được lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký giám định viên Phan Tấn Quốc ghi số 3626 (ma túy còn lại sau giám định).

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh và 01 cái bóp màu đen thu giữ của Trường.

- 01 xe gắn máy hiệu Nouvo, biển số 59S1-323.28, Trường khai đây là xe của T1. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là ông Phạm Văn T2, ông T2 trình bày đã bán xe cho một người tên T4 (không rõ lai lịch) vào năm 2020, hiện ông không có ý kiến gì về chiếc xe này. Quá trình điều tra, Trần Minh T1 không có mặt tại nơi cư trú nên không làm việc được với T1 để làm rõ tình trạng sở hữu xe. Kết quả tra cứu, không có trong dữ liệu vật chứng. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng chưa có ai đến nhận.

Tại bản cáo trạng số 156/CT-VKS-TB ngày 18 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua lời

khai của bị cáo thì hành vi cất giấu trái phép 1,5926 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách của Nhà nước về độc quyền quản lý các chất ma túy, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo phạm tội do cố ý, nhân thân xấu nên cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký giám định viên Phan Tấn Quốc ghi số 3626 (ma túy còn lại sau giám định) là vật Nhà nước cấm lưu hành nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh và 01 cái bóp màu đen thu giữ của bị cáo, xét thấy điện thoại di động là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo; đối với 01 cái bóp màu đen là vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Nouvo, biển số 59S1-323.28, Trường khai đây là xe của T1. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là ông Phạm Văn T2, ông T2 trình bày đã bán xe cho một người tên T4 (không rõ lai lịch) vào năm 2020, hiện ông không có ý kiến gì về chiếc xe này. Quá trình điều tra, Trần Minh T1 không có mặt tại nơi cư trú nên không làm việc được với T1 để làm rõ tình trạng sở hữu xe. Kết quả tra cứu, không có trong dữ liệu vật chứng. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng chưa có ai đến nhận. Xét thấy xe gắn máy trên có nguồn gốc chưa rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm giúp cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ được Công an quận Tân Bình lập, thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra quyết định tạm giam

để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Đỗ Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng; nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, thì hành vi cất giữ trái phép 1,5926 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân của bị cáo Đỗ Văn T là hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý về chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời qua phân tích, đánh giá, nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm cơ sở chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo như đã nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Mặc dù biết tác hại của ma túy, nhận thức được việc tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do muốn thỏa mãn và đáp ứng được nhu cầu của cá nhân mà bị cáo đã cố ý phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu do đó cần xét xử bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tính tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo để đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 249 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 gói niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký giám định viên Phan Tấn Quốc ghi số 3626 (ma túy còn lại sau giám định) là vật Nhà nước cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh và 01 cái bóp màu đen thu giữ của bị cáo; xét thấy điện thoại di động là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát; đối với 01 cái bóp màu đen là vật không có giá trị và bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Nouvo, biển số 59S1-323.28, Trường khai đây là xe của T1. Qua xác minh, chủ sở hữu xe là ông Phạm Văn T2, ông T2 trình bày đã bán xe cho một người tên T4 (không rõ lai lịch) vào năm 2020, hiện ông không có ý kiến gì về chiếc xe này. Quá trình điều tra, Trần Minh T1 không có mặt tại nơi cư trú nên không làm việc được với T1 để làm rõ tình trạng sở hữu xe. Kết quả tra cứu, không có trong dữ liệu vật chứng. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe nhưng chưa có ai đến nhận. Xét thấy xe gắn máy trên có nguồn gốc chưa rõ ràng nên Hội đồng xét xử giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: ĐỖ VĂN T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2021.

[2] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 gói niêm phong còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký giám định viên Phan Tấn Quốc ghi số 3626 (tang vật ma túy còn lại sau giám định và 01 bóp màu đen (Tình trạng vật chứng theo như Phiếu nhập kho vật chứng số 118/PNK ngày 13/8/2021 của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, model: M2006C3LG (Tình trạng vật chứng theo như Phiếu nhập kho vật chứng số 118/PNK ngày 13/8/2021 của Công an quận Tân Bình).

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình 01 xe gắn máy hiệu Nouvo, biển số 59S1-323.28, số khung: 5P110AY-228351, số máy: 5P11-228352 thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp, hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước theo quy định (Tình trạng vật chứng theo như Phiếu nhập kho vật chứng số 118/PNK ngày 13/8/2021 của Công an quận Tân Bình).

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015). Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[4] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí